

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG
VICEM GYPSUM AND CEMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: 24 Hà Nội - Phường Phú Nhuận - Quận Thuận Hóa - Thành phố Huế

Điện thoại: 0234.3822453; Email: contact.txm@gmail.com

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

(Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt vào ngày cuối cùng 17 tháng 03 năm 2025)

TT	TÊN CÁ NHÂN/TỔ CHỨC	QUỐC TỊCH	CHƯA LK	ĐÃ LK	CỘNG	CÁ NHÂN (1); TỔ CHỨC (2)	GHI CHÚ
1	Bành Trọng Giáp	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
2	Bùi Anh Dũng	Viet Nam	0	50	50	1	
3	Bùi Anh Tuấn	Viet Nam	0	27 700	27 700	1	
4	Bùi Minh Di	Viet Nam	0	300	300	1	
5	Bùi Minh Hiền	Viet Nam	0	500	500	1	
6	Bùi Mạnh Khôi	Viet Nam	0	100	100	1	
7	Bùi Ngọc Hạnh	Viet Nam	0	75	75	1	
8	Bùi Quốc Kỳ	Viet Nam	0	400	400	1	
9	Bùi Thị Bình	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
10	Bùi Thị Huệ	Viet Nam	0	500	500	1	
11	Bùi Thị Hồng	Viet Nam	0	100	100	1	
12	Bùi Thị kim Thoa	Viet Nam	0	50	50	1	
13	Bùi Thị Minh Phương	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
14	Bùi Thị Ngọc	Viet Nam	0	100	100	1	
15	Bùi Thị Phương Mai	Viet Nam	0	1 750	1 750	1	
16	Bùi Việt Nghị	Viet Nam	0	75	75	1	
17	Bùi Việt Dũng	Viet Nam	0	50	50	1	
18	BÙI VĂN DŨNG	Viet Nam	0	400	400	1	
19	Bùi Văn Mạnh	Viet Nam	0	50	50	1	
20	BÙI XUÂN NHỊ	Viet Nam	0	50	50	1	
21	Bùi Xuân Tú	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
22	BÙI ĐÌNH HẠNH	Viet Nam	0	1 800	1 800	1	
23	Bùi Đình Thơ	Viet Nam	0	75	75	1	
24	Bùi Đức Biên	Viet Nam	0	675	675	1	
25	BÙI ĐỨC HẠNH	Viet Nam	0	2 400	2 400	1	
26	BÙI ĐỨC QUỐC	Viet Nam	0	6 301	6 301	1	
27	Bùi Đức Động	Viet Nam	0	1 750	1 750	1	
28	Bạch Duy Phong	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
29	Cao Thủy Sang	Viet Nam	0	8	8	1	
30	Cao Thị Mến	Viet Nam	500		500	1	
31	Cao Thị Phương	Viet Nam	0	500	500	1	
32	CAO THỊ THU HIỀN	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
33	Cao Thị Thương	Viet Nam	0	100	100	1	
34	CAO THỊ THƯƠNG	Viet Nam	0	350	350	1	
35	CAO XUÂN NGỌC	Viet Nam	0	6 000	6 000	1	
36	Chu Quang Vinh	Viet Nam	500		500	1	
37	Chu Văn Hạnh	Viet Nam	500	1 750	2 250	1	

38	Chu Văn Nam	Viet Nam	500	825	1 325	1	
39	châu bửu liên	Viet Nam	0	1 100	1 100	1	
40	Châu Kiều Lệ	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
41	CHÂU SỬ THI	Viet Nam	0	200	200	1	
42	Châu Thị Hồng Hạnh	Viet Nam	0	60	60	1	
43	CHỈ THU XUÂN	Viet Nam	0	10	10	1	
44	Cù Huy Giang	Viet Nam	0	75	75	1	
45	CỎ THỊ PHÚC LỘC	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
46	Diệp Thuý Hằng	Viet Nam	0	50	50	1	
47	DƯ THỊ PHƯỢNG	Viet Nam	0	7 400	7 400	1	
48	Dương Minh Thảo	Viet Nam	0	1	1	1	
49	Dương Nguyễn Nhật Phụng	Viet Nam	0	1 050	1 050	1	
50	Dương Thanh Hà	Viet Nam	0	2	2	1	
51	Dương Thanh Tú	Viet Nam	0	75	75	1	
52	DƯƠNG THU HOÀI	Viet Nam	0	25	25	1	
53	Dương Thu Hà	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
54	Dương Thu Hà	Viet Nam	0	1 500	1 500	1	
55	DƯƠNG THÚY HƯỜNG	Viet Nam	0	1 400	1 400	1	
56	DƯƠNG THỊ BA	Viet Nam	0	2	2	1	
57	DƯƠNG THỊ HOA	Viet Nam	0	200	200	1	
58	Dương Thị Hồng Nhung	Viet Nam	0	800	800	1	
59	Dương Thị Phương Thủy	Viet Nam	0	63	63	1	
60	Dương Thị Tinh	Viet Nam	0	500	500	1	
61	DƯƠNG THỊ VÂN TRANG	Viet Nam	0	100	100	1	
62	Dương Văn Thắng	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
63	Dương Văn Tuấn	Viet Nam	0	700	700	1	
64	Dương Văn Đức	Viet Nam	0	200	200	1	
65	Dương Đăng Cao	Viet Nam	0	1 725	1 725	1	
66	Hà Vĩnh Hải	Viet Nam	0	225	225	1	
67	Hem Linh Chi	Viet Nam	0	6	6	1	
68	HOÀNG ANH	Viet Nam	0	17	17	1	
69	HOÀNG CAO CƯỜNG	Viet Nam	0	6 500	6 500	1	
70	Hoàng Hà Linh	Viet Nam	0	25	25	1	
71	Hoàng Hữu Chung	Viet Nam	0	1 200	1 200	1	
72	Hoàng Kim Đăng	Viet Nam	0	500	500	1	
73	Hoàng Lương Xuan	Viet Nam	0	500	500	1	
74	Hoàng Minh Vũ	Viet Nam	0	200	200	1	
75	Hoàng Minh Đạo	Viet Nam	0	25	25	1	
76	Hoàng Ngọc Việt	Viet Nam	500	1 400	1 900	1	
77	Hoàng Ngọc Ánh	Viet Nam	0	4	4	1	
78	Hoàng Quang Cường	Viet Nam	0	1 200	1 200	1	
79	Hoàng Quang Minh	Viet Nam	0	2	2	1	
80	HOÀNG QUỐC HUY	Viet Nam	0	2	2	1	
81	Hoàng Thiên Hương	Viet Nam	0	200	200	1	
82	HOÀNG THÀNH NAM	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
83	Hoàng Thế Hòa	Viet Nam	0	100	100	1	
84	Hoàng Thế Quảng	Viet Nam	0	75	75	1	
85	Hoàng Thị Gái	Viet Nam	0	1 300	1 300	1	
86	Hoàng Thị Hoa	Viet Nam	0	500	500	1	

U.S.D.N.
T
THUAN

4

87	Hoàng Thị Hòe	Viet Nam	0	500	500	1	
88	Hoàng Thị Hương	Viet Nam	0	1 450	1 450	1	
89	Hoàng Thị Lan Anh	Viet Nam	0	525	525	1	
90	Hoàng Thị Luận	Viet Nam	0	50	50	1	
91	Hoàng Thị Mai	Viet Nam	0	500	500	1	
92	HOÀNG THỊ MINH	Viet Nam	0	6	6	1	
93	Hoàng Thị Minh Xuân	Viet Nam	0	75	75	1	
94	Hoàng Thị Nguyệt	Viet Nam	0	500	500	1	
95	Hoàng Thị Nhân	Viet Nam	0	200	200	1	
96	Hoàng Thị Quỳnh Trang	Viet Nam	0	1	1	1	
97	Hoàng Thị Thu	Viet Nam	0	500	500	1	
98	Hoàng Thị Thu	Viet Nam	500		500	1	
99	Hoàng Thị Thọ	Viet Nam	0	500	500	1	
100	Hoàng Thị Thủy	Viet Nam	0	153	153	1	
101	Hoàng Trung Chính	Viet Nam	0	500	500	1	
102	HOÀNG VĂN TUYẾN	Viet Nam	0	5 000	5 000	1	
103	Hoàng Văn Tuệ	Viet Nam	2775		2 775	1	
104	HOÀNG ĐÌNH QUỐC MINH	Viet Nam	0	75	75	1	
105	Hoàng Đình Trục	Viet Nam	0	300	300	1	
106	Huỳnh Ngọc Viễn	Viet Nam	0	600	600	1	
107	HUỲNH PHÚ PHƯỢNG	Viet Nam	0	100	100	1	
108	Huỳnh Thanh Tuyền	Viet Nam	0	1	1	1	
109	Huỳnh Thành Công	Viet Nam	0	350	350	1	
110	HUỲNH THỊ BÍCH NGỌC	Viet Nam	0	75	75	1	
111	Huỳnh Thị Ngân	Viet Nam	0	300	300	1	
112	Huỳnh Văn Trường	Viet Nam	0	9	9	1	
113	Hà Thị Bích Liên	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
114	Hà Thị Ngọc Bích	Viet Nam	0	59	59	1	
115	Hà Thị Phương Loan	Viet Nam	0	5 000	5 000	1	
116	Hà Thị Thương	Viet Nam	0	500	500	1	
117	Hà Thị Việt Phương	Viet Nam	0	3 000	3 000	1	
118	Hà Thị Vân Vi	Viet Nam	0	800	800	1	
119	Hồ Bắc	Viet Nam	0	200	200	1	
120	Hồ Cầu	Viet Nam	0	500	500	1	
121	Hồ Hiệp Hòa	Viet Nam	0	2	2	1	
122	Hồ Minh Tuấn	Viet Nam	0	1 200	1 200	1	
123	Hồ Ngọc Hùng	Viet Nam	0	73 000	73 000	1	
124	Hồ Ngọc Hùng	Viet Nam	0	70 000	70 000	1	
125	Hồ Thanh Nguyên	Viet Nam	0	500	500	1	
126	Hồ Thị Phượng	Viet Nam	0	500	500	1	
127	Hồ Thị Diệp Thanh	Viet Nam	500		500	1	
128	Hồ Trí Đức	Viet Nam	0	500	500	1	
129	Hồ Tuấn Anh	Viet Nam	0	21	21	1	
130	Hồ Văn Ngòi	Viet Nam	0	500	500	1	
131	Hồ Văn Thạch	Viet Nam	0	10	10	1	
132	HỒ XUÂN HÒA	Viet Nam	0	443	443	1	
133	KHÚC VĂN BÈN	Viet Nam	0	100	100	1	
134	Lai Anh Phúc	Viet Nam	0	700	700	1	
135	Le Thi Hoa Lan	Viet Nam	0	50	50	1	

330
CỔ
CỔ
V
HÀ
XI
40

136	Lâm Tuấn Duy Liêm	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
137	LÊ ANH ĐỨC	Viet Nam	0	100	100	1	
138	Lê Bình Hải	Viet Nam	0	1 300	1 300	1	
139	Lê Bảo Tính	Viet Nam	0	1	1	1	
140	LÊ BỘI LAN	Viet Nam	0	200	200	1	
141	Lê Cao Minh	Viet Nam	0	1 800	1 800	1	
142	Lê Công Tuấn	Viet Nam	0	500	500	1	
143	Lê Huy Hoàng	Viet Nam	0	100	100	1	
144	LÊ HUY SƠN	Viet Nam	0	547	547	1	
145	Lê Hương Trà	Viet Nam	0	50	50	1	
146	Lê Khắc Kiên	Viet Nam	0	1 300	1 300	1	
147	Lê Kim Hưng	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
148	Lê Minh Cường	Viet Nam	500	1 400	1 900	1	
149	LÊ MINH TRANG	Viet Nam	0	400	400	1	
150	Lê Mộng Ngà	Viet Nam	0	50	50	1	
151	LÊ NAM SƠN	Viet Nam	0	875	875	1	
152	Lê Nguyên Đồng	Viet Nam	0	1 400	1 400	1	
153	Lê Ngọc Bích	Viet Nam	0	75	75	1	
154	Lê Ngọc Linh	Viet Nam	0	649	649	1	
155	Lê Ngọc Đạt	Viet Nam	0	200	200	1	
156	Lê Như Quỳnh	Viet Nam	0	100	100	1	
157	Lê Quang Hạnh	Viet Nam	0	500	500	1	
158	Lê Quang Quý	Viet Nam	0	500	500	1	
159	Lê Quang Thắng	Viet Nam	0	500	500	1	
160	Lê Quang Tuyền	Viet Nam	0	25	25	1	
161	LÊ QUỐC CƯỜNG	Viet Nam	0	3 000	3 000	1	
162	Lê Quốc Khánh	Viet Nam	0	500	500	1	
163	Lê Quốc Thành	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
164	Lê Sỹ Nghĩa	Viet Nam	0	500	500	1	
165	Lê Thanh Toàn	Viet Nam	0	982	982	1	
166	Lê Thanh Tâm	Viet Nam	0	11 600	11 600	1	
167	Lê Thuận Dân	Viet Nam	0	500	500	1	
168	LÊ THUẬN NGÀ	Viet Nam	0	12 200	12 200	1	
169	Lê Thị Hoa	Viet Nam	0	125	125	1	
170	LÊ THỊ HOA	Viet Nam	0	3 400	3 400	1	
171	LÊ THỊ HOÀNG OANH	Viet Nam	0	3 000	3 000	1	
172	Lê Thị Hùng	Viet Nam	0	6 000	6 000	1	
173	Lê Thị Hương	Viet Nam	0	500	500	1	
174	LÊ THỊ KIM PHƯỢNG	Viet Nam	0	350	350	1	
175	LÊ THỊ KIM THƯƠNG	Viet Nam	0	50	50	1	
176	Lê Thị Kim Trang	Viet Nam	0	10	10	1	
177	LÊ THỊ LAN HƯƠNG	Viet Nam	0	101 200	101 200	1	
178	LÊ THỊ LAN PHƯỢNG	Viet Nam	0	500	500	1	
179	Lê Thị Mai	Viet Nam	0	800	800	1	
180	Lê Thị Nhi	Viet Nam	0	20	20	1	
181	Lê Thị Nữ	Viet Nam	0	75	75	1	
182	Lê Thị Phú	Viet Nam	0	3 500	3 500	1	
183	Lê Thị Quỳnh Tiên	Viet Nam	0	3 450	3 450	1	
184	Lê Thị Thanh	Viet Nam	0	50	50	1	

01
N
P
IC
C
M

4

185	Lê Thị Thu Hiền	Viet Nam	0	100	100	1	
186	Lê Thị Thu Hà	Viet Nam	0	15 000	15 000	1	
187	LÊ THỊ THU HƯỜNG	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
188	Lê Thị Thuý Linh	Viet Nam	0	1 050	1 050	1	
189	Lê Thị Thắng	Viet Nam	0	5	5	1	
190	LÊ THỊ TIỀN CHI	Viet Nam	0	4 200	4 200	1	
191	Lê Thị Tuấn Anh	Viet Nam	0	50	50	1	
192	Lê Thị Xuân	Viet Nam	0	500	500	1	
193	Lê Tiến Hưng	Viet Nam	0	1 325	1 325	1	
194	Lê Triều Dương	Viet Nam	0	75	75	1	
195	LÊ TRUNG DŨNG	Viet Nam	0	4 000	4 000	1	
196	Lê Trung Thành	Viet Nam	0	500	500	1	
197	LÊ TRƯỞNG NAM HÙNG	Viet Nam	0	1	1	1	
198	Lê Trọng Hào	Viet Nam	0	75	75	1	
199	Lê Tuấn Quỳnh	Viet Nam	0	100	100	1	
200	LÊ TÂN HOÀNG HUÂN	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
201	Lê Tự Trọng	Viet Nam	0	19 600	19 600	1	
202	Lê Viết Biên	Viet Nam	0	500	500	1	
203	Lê Văn Danh	Viet Nam	0	500	500	1	
204	Lê Văn Doanh	Viet Nam	0	2 250	2 250	1	
205	Lê Văn Dũng	Viet Nam	0	500	500	1	
206	LÊ VĂN HOÀN	Viet Nam	0	400	400	1	
207	Lê Văn Luyến	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
208	LÊ VĂN PHƯƠNG	Viet Nam	0	100	100	1	
209	Lê Văn Quốc	Viet Nam	0	500	500	1	
210	LÊ VĂN THUẬN	Viet Nam	0	400	400	1	
211	Lê Văn Thành	Viet Nam	0	25	25	1	
212	Lê Văn Thành	Viet Nam	0	25	25	1	
213	Lê Văn Thể	Viet Nam	0	200	200	1	
214	Lê Văn Tranh	Viet Nam	0	500	500	1	
215	Lê Văn Tĩnh	Viet Nam	0	500	500	1	
216	Lê Văn Vinh	Viet Nam	0	1 650	1 650	1	
217	Lê Xuân Luyến	Viet Nam	0	3 975	3 975	1	
218	LÊ XUÂN SANG	Viet Nam	0	375	375	1	
219	Lê Xuân Trinh	Viet Nam	0	700	700	1	
220	LÊ ĐÌNH MẠNH	Viet Nam	0	400	400	1	
221	Lê Đình Tiến	Viet Nam	0	500	500	1	
222	LÙ TRÍ TRUNG	Viet Nam	0	213	213	1	
223	Lưu Giang Minh Huân	Viet Nam	0	300	300	1	
224	LƯU HUỆ NHI	Viet Nam	0	10	10	1	
225	Lưu Minh Dũng	Viet Nam	0	1	1	1	
226	Lưu Mỹ Linh	Viet Nam	0	200	200	1	
227	Lưu Quang Hiệp	Viet Nam	0	75	75	1	
228	Lưu Thị Phương Lan	Viet Nam	0	50	50	1	
229	Lưu Trọng Chương	Viet Nam	0	500	500	1	
230	Lưu Tô Muối	Viet Nam	0	50	50	1	
231	Lưu Văn Ban	Viet Nam	0	75	75	1	
232	Lưu Đức Ngọc	Viet Nam	2700		2 700	1	
233	LƯƠNG HUY HOÀNG	Viet Nam	0	90 000	90 000	1	

234	Lương Khắc Trung	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
235	Lương Ngọc Thuý	Viet Nam	0	50	50	1	
236	Lương Thị Hải Yến	Viet Nam	0	20 600	20 600	1	
237	Lương Thị Vân Anh	Viet Nam	0	75	75	1	
238	Lại Tấn Khang	Viet Nam	0	1	1	1	
239	MAI ANH TUẤN	Viet Nam	0	500	500	1	
240	Mai Hoàng Tuynh	Viet Nam	0	100	100	1	
241	Mai Hải Yến	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
242	Mai Hữu Chung	Viet Nam	0	50	50	1	
243	Mai Thanh Liên	Viet Nam	0	100	100	1	
244	Mai Thị Hà	Viet Nam	0	75	75	1	
245	Mã Thị Diễm Trâm	Viet Nam	0	4 000	4 000	1	
246	Nguyen Thi Thu Thuy	Viet Nam	0	600	600	1	
247	Nguyễn Anh Công	Viet Nam	0	1 800	1 800	1	
248	Nguyễn Anh Dũng	Viet Nam	0	100	100	1	
249	Nguyễn Anh Thư	Viet Nam	0	700	700	1	
250	Nguyễn Anh Tuấn	Viet Nam	0	875	875	1	
251	Nguyễn Anh Tuấn	Viet Nam	0	1 400	1 400	1	
252	Nguyễn Anh Tuấn	Viet Nam	0	2 400	2 400	1	
253	NGUYỄN ANH TÚ	Viet Nam	0	100	100	1	
254	Nguyễn Bá Hiếu	Viet Nam	0	50	50	1	
255	Nguyễn Bá Lịch	Viet Nam	0	500	500	1	
256	Nguyễn Bá Minh	Viet Nam	0	9	9	1	
257	Nguyễn Bá Thắng	Viet Nam	0	50	50	1	
258	Nguyễn Bá Toàn	Viet Nam	0	500	500	1	
259	Nguyễn Bá Trức	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
260	Nguyễn Bình Minh	Viet Nam	0	200	200	1	
261	Nguyễn Bích Ngọc	Viet Nam	0	75	75	1	
262	Nguyễn Bảo Trinh	Viet Nam	0	50	50	1	
263	Nguyễn Chí Cường	Viet Nam	0	25	25	1	
264	Nguyễn Chí Dũng	Viet Nam	0	50	50	1	
265	NGUYỄN CÁT PHƯƠNG YẾN	Viet Nam	0	11 400	11 400	1	
266	Nguyễn Công Luận	Viet Nam	0	500	500	1	
267	Nguyễn Công Trí	Viet Nam	0	500	500	1	
268	Nguyễn Cảnh	Viet Nam	0	4 800	4 800	1	
269	Nguyễn Danh Hiền	Viet Nam	0	75	75	1	
270	Nguyễn Duy Mùi	Viet Nam	0	162	162	1	
271	Nguyễn Duy Quang	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
272	NGUYỄN DÝ	Viet Nam	0	50	50	1	
273	NGUYỄN DƯƠNG HUYỀN	Viet Nam	0	300	300	1	
274	Nguyễn Gia Cương	Viet Nam	0	3	3	1	
275	Nguyễn Hoàng Duyên	Viet Nam	0	500	500	1	
276	Nguyễn Hoàng Hải	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
277	Nguyễn Hoàng Lương	Viet Nam	0	500	500	1	
278	Nguyễn Hoàng Thi	Viet Nam	0	5 000	5 000	1	
279	Nguyễn Hoàng Tuấn	Viet Nam	0	500	500	1	
280	Nguyễn Huy Cường	Viet Nam	0	50	50	1	
281	Nguyễn Huy Dũng	Viet Nam	0	150	150	1	
282	Nguyễn Huy Hoàng	Viet Nam	0	500	500	1	

283	Nguyễn Hà My	Viet Nam	0	3 000	3 000	1	
284	Nguyễn Hà Thanh Thuý	Viet Nam	0	100	100	1	
285	Nguyễn Hương Quỳnh	Viet Nam	0	17	17	1	
286	Nguyễn Hải Bình	Viet Nam	0	2 775	2 775	1	
287	Nguyễn Hải Hưng	Viet Nam	0	500	500	1	
288	Nguyễn Hải Sơn	Viet Nam	0	275	275	1	
289	Nguyễn Hải Trung	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
290	Nguyễn Hồ Hoàng Anh	Viet Nam	0	500	500	1	
291	Nguyễn Hồng Mao	Viet Nam	0	500	500	1	
292	Nguyễn Hữu Duy	Viet Nam	0	700	700	1	
293	Nguyễn Hữu Hiếu	Viet Nam	0	24	24	1	
294	NGUYỄN HỮU HOÀN	Viet Nam	0	1	1	1	
295	NGUYỄN HỮU LONG	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
296	NGUYỄN HỮU LỢI	Viet Nam	0	2	2	1	
297	Nguyễn Hữu Phước	Viet Nam	0	500	500	1	
298	Nguyễn Hữu Thành	Viet Nam	0	500	500	1	
299	Nguyễn Khánh Phương	Viet Nam	0	30	30	1	
300	NGUYỄN KHÁNH VÂN	Viet Nam	0	2 400	2 400	1	
301	Nguyễn Kim Hậu	Viet Nam	0	50	50	1	
302	Nguyễn Kiến Dụ	Viet Nam	0	1 500	1 500	1	
303	Nguyễn Kiều Minh Bảo	Viet Nam	0	1	1	1	
304	Nguyễn Kiều Nga	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
305	Nguyễn Long Giang	Viet Nam	0	75	75	1	
306	Nguyễn Lê Nghĩa	Viet Nam	0	3 500	3 500	1	
307	Nguyễn Lê Thành Tâm	Viet Nam	0	1	1	1	
308	Nguyễn Lương Thông	Viet Nam	0	2 425	2 425	1	
309	Nguyễn Lê Dung	Viet Nam	0	300	300	1	
310	Nguyễn Minh Chi	Viet Nam	0	25	25	1	
311	Nguyễn Minh Sĩ	Viet Nam	0	100	100	1	
312	Nguyễn Minh Thiện	Viet Nam	0	300	300	1	
313	Nguyễn Minh Tiến	Viet Nam	0	100	100	1	
314	Nguyễn Minh Đức	Viet Nam	0	75	75	1	
315	Nguyễn Minh Đức	Viet Nam	0	58	58	1	
316	Nguyễn Mạnh Cường	Viet Nam	0	1 200	1 200	1	
317	Nguyễn Mạnh Cường	Viet Nam	0	1 300	1 300	1	
318	Nguyễn Mạnh Trung	Viet Nam	0	1 050	1 050	1	
319	Nguyễn Mạnh Tuấn	Viet Nam	0	50	50	1	
320	Nguyễn Nam Phong	Viet Nam	0	9	9	1	
321	Nguyễn Nguyên Nguyên	Viet Nam	0	350	350	1	
322	Nguyễn Ngọc Chương	Viet Nam	0	1 400	1 400	1	
323	Nguyễn Ngọc Hoàng	Viet Nam	0	1 500	1 500	1	
324	Nguyễn Ngọc Hải	Viet Nam	0	20 900	20 900	1	
325	Nguyễn Ngọc Phước	Viet Nam	0	1 600	1 600	1	
326	Nguyễn Ngọc Sinh	Viet Nam	0	500	500	1	
327	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	Viet Nam	0	3	3	1	
328	NGUYỄN NGỌC TUYẾT	Viet Nam	0	700	700	1	
329	Nguyễn Như Hùng	Viet Nam	0	100	100	1	
330	Nguyễn Năng Bắc	Viet Nam	0	500	500	1	
331	Nguyễn Năng Nam	Viet Nam	0	500	500	1	

332	Nguyễn Phú Bình	Viet Nam	0	17	17	1	
333	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Viet Nam	0	1	1	1	
334	Nguyễn Quang Bình	Viet Nam	0	59 000	59 000	1	
335	NGUYỄN QUANG DUY	Viet Nam	0	400	400	1	
336	NGUYỄN QUANG HIỀN	Viet Nam	0	300	300	1	
337	NGUYỄN QUANG HÒA	Viet Nam	0	350	350	1	
338	Nguyễn Quang Nghĩa	Viet Nam	0	500	500	1	
339	Nguyễn Quang Tiến	Viet Nam	0	75	75	1	
340	Nguyễn Quang Tổ	Viet Nam	0	500	500	1	
341	Nguyễn Quý Tuấn Trung	Viet Nam	0	44	44	1	
342	Nguyễn Quốc Bình	Viet Nam	0	25	25	1	
343	Nguyễn Quốc Bình	Viet Nam	0	100	100	1	
344	NGUYỄN QUỐC DOANH	Viet Nam	0	50	50	1	
345	NGUYỄN QUỐC HOÀNG	Viet Nam	0	500	500	1	
346	Nguyễn Quốc Hùng	Viet Nam	0	350	350	1	
347	Nguyễn Quốc Hùng	Viet Nam	0	1 900	1 900	1	
348	Nguyễn Quốc hưng	Viet Nam	0	75	75	1	
349	NGUYỄN QUỐC HÙNG	Viet Nam	0	1	1	1	
350	Nguyễn Quốc Thái	Viet Nam	0	37	37	1	
351	Nguyễn Quỳnh Anh	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
352	NGUYỄN SINH DŨNG THẮNG	Viet Nam	0	1	1	1	
353	NGUYỄN SIÊU MÃN	Viet Nam	0	1	1	1	
354	Nguyễn Sỹ Tường	Viet Nam	0	50	50	1	
355	Nguyễn Thanh Bình	Viet Nam	0	500	500	1	
356	Nguyễn Thanh Bình	Viet Nam	0	3 500	3 500	1	
357	Nguyễn Thanh Quang	Viet Nam	0	1 700	1 700	1	
358	Nguyễn Thanh Sơn	Viet Nam	0	500	500	1	
359	Nguyễn Thanh Tùng	Viet Nam	0	1	1	1	
360	Nguyễn Thu Huyền	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
361	Nguyễn Thu Hà	Viet Nam	0	50	50	1	
362	Nguyễn Thu Hằng	Viet Nam	0	100	100	1	
363	Nguyễn Thu Hằng	Viet Nam	0	875	875	1	
364	Nguyễn Thành Công	Viet Nam	0	100	100	1	
365	Nguyễn Thành Kiên	Viet Nam	0	25	25	1	
366	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Viet Nam	0	25	25	1	
367	Nguyễn Thành Nam	Viet Nam	0	25	25	1	
368	Nguyễn Thành Tài	Viet Nam	0	10 000	10 000	1	
369	Nguyễn Thùy Dung	Viet Nam	0	1 600	1 600	1	
370	Nguyễn Thùy Dương	Viet Nam	0	175	175	1	
371	Nguyễn Thùy Linh	Viet Nam	0	9 900	9 900	1	
372	Nguyễn Thế Cường	Viet Nam	0	100	100	1	
373	Nguyễn Thế Hiếu	Viet Nam	0	25	25	1	
374	NGUYỄN THẾ LONG	Viet Nam	0	500	500	1	
375	Nguyễn Thế Toàn	Viet Nam	0	8	8	1	
376	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Viet Nam	0	225	225	1	
377	Nguyễn Thị Bích Loan	Viet Nam	0	75	75	1	
378	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Viet Nam	0	75	75	1	
379	Nguyễn Thị Bế Ngân	Viet Nam	0	1	1	1	
380	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	



381	Nguyễn Thị Dung	Viet Nam	0	25	25	1	
382	Nguyễn Thị Dung	Viet Nam	0	500	500	1	
383	Nguyễn Thị Hiệp	Viet Nam	0	39 200	39 200	1	
384	NGUYỄN THỊ HOA	Viet Nam	0	100	100	1	
385	Nguyễn Thị Hoa	Viet Nam	0	1 150	1 150	1	
386	Nguyễn Thị Hoan	Viet Nam	0	500	500	1	
387	Nguyễn Thị Hà	Viet Nam	0	500	500	1	
388	Nguyễn Thị Hương	Viet Nam	0	25	25	1	
389	Nguyễn Thị Hương	Viet Nam	0	500	500	1	
390	Nguyễn Thị Hương	Viet Nam	0	75	75	1	
391	Nguyễn Thị Hường	Viet Nam	0	1 025	1 025	1	
392	Nguyễn Thị Hào	Viet Nam	0	300	300	1	
393	Nguyễn Thị Hằng	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
394	NGUYỄN THỊ HỒNG	Viet Nam	0	100	100	1	
395	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Viet Nam	0	50	50	1	
396	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Viet Nam	0	1 750	1 750	1	
397	Nguyễn Thị Hồng Loan	Viet Nam	0	500	500	1	
398	Nguyễn Thị Hồng Vân	Viet Nam	0	3 000	3 000	1	
399	Nguyễn Thị Khánh	Viet Nam	0	50	50	1	
400	NGUYỄN THỊ KIM HÀ	Viet Nam	0	775	775	1	
401	Nguyễn Thị Kim Oanh	Viet Nam	0	200	200	1	
402	Nguyễn Thị Kim Phụng	Viet Nam	0	40 000	40 000	1	
403	Nguyễn Thị Lan	Viet Nam	0	300	300	1	
404	Nguyễn Thị Lan Hương	Viet Nam	0	50	50	1	
405	Nguyễn Thị Liên	Viet Nam	0	400	400	1	
406	Nguyễn Thị Liên	Viet Nam	0	100	100	1	
407	Nguyễn Thị Liên	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
408	Nguyễn Thị Liên	Viet Nam	0	500	500	1	
409	Nguyễn Thị Ly	Viet Nam	0	500	500	1	
410	Nguyễn Thị Lê Nhi	Viet Nam	0	17	17	1	
411	Nguyễn Thị Lương	Viet Nam	0	1 600	1 600	1	
412	Nguyễn Thị Lợi	Viet Nam	0	800	800	1	
413	Nguyễn Thị Mai Phương	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
414	Nguyễn Thị Minh Hiền	Viet Nam	0	100	100	1	
415	Nguyễn Thị Minh Hoa	Viet Nam	0	3 475	3 475	1	
416	Nguyễn Thị Minh Hào	Viet Nam	0	200	200	1	
417	NGUYỄN THỊ MINH LIÊN	Viet Nam	0	800	800	1	
418	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Viet Nam	0	900	900	1	
419	Nguyễn Thị Minh Thuý	Viet Nam	0	500	500	1	
420	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	Viet Nam	0	300	300	1	
421	Nguyễn Thị Mẫn	Viet Nam	0	750	750	1	
422	Nguyễn Thị Nga	Viet Nam	0	50	50	1	
423	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Viet Nam	0	23 000	23 000	1	
424	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Viet Nam	0	2 300	2 300	1	
425	Nguyễn Thị Nhuận	Viet Nam	0	3 100	3 100	1	
426	NGUYỄN THỊ NHÃ	Viet Nam	0	20 300	20 300	1	
427	Nguyễn Thị Như Lua	Viet Nam	0	50	50	1	
428	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Viet Nam	0	2	2	1	
429	Nguyễn Thị Nhạn	Viet Nam	0	350	350	1	

430	Nguyễn Thị Năm	Viet Nam	0	500	500	1	
431	Nguyễn Thị Phú	Viet Nam	0	300	300	1	
432	Nguyễn Thị Phương	Viet Nam	0	500	500	1	
433	Nguyễn Thị Phương Dung	Viet Nam	0	1 700	1 700	1	
434	Nguyễn Thị Phương Mai	Viet Nam	0	3 000	3 000	1	
435	Nguyễn Thị Phương Thành	Viet Nam	0	300	300	1	
436	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Viet Nam	0	500	500	1	
437	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Viet Nam	0	900	900	1	
438	Nguyễn Thị Thanh Hương	Viet Nam	0	25	25	1	
439	NGUYỄN THỊ THANH MAI	Viet Nam	0	300	300	1	
440	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Viet Nam	0	800	800	1	
441	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Viet Nam	0	50	50	1	
442	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Viet Nam	0	100	100	1	
443	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Viet Nam	0	500	500	1	
444	Nguyễn Thị Thu Hà	Viet Nam	0	25	25	1	
445	NGUYỄN THỊ THU HÒA	Viet Nam	0	1 500	1 500	1	
446	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	Viet Nam	0	3	3	1	
447	Nguyễn Thị Thu Nga	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
448	NGUYỄN THỊ THU NGÀ	Viet Nam	0	3 000	3 000	1	
449	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Viet Nam	0	350	350	1	
450	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Viet Nam	0	25	25	1	
451	Nguyễn Thị Thu Đông	Viet Nam	0	3 700	3 700	1	
452	Nguyễn Thị Thùy Trinh	Viet Nam	0	150	150	1	
453	Nguyễn Thị Thơm	Viet Nam	0	500	500	1	
454	Nguyễn Thị Thơm	Viet Nam	0	80 000	80 000	1	
455	Nguyễn Thị Thương	Viet Nam	0	500	500	1	
456	Nguyễn Thị Thạo	Viet Nam	0	1 500	1 500	1	
457	Nguyễn Thị Thảo	Viet Nam	0	50	50	1	
458	Nguyễn Thị Trang Đài	Viet Nam	0	500	500	1	
459	NGUYỄN THỊ TRÂM	Viet Nam	0	340	340	1	
460	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Viet Nam	0	50	50	1	
461	Nguyễn Thị Tuyền	Viet Nam	0	6 900	6 900	1	
462	Nguyễn Thị Tâm	Viet Nam	0	500	500	1	
463	NGUYỄN THỊ TÂM	Viet Nam	0	20 000	20 000	1	
464	Nguyễn Thị Tú Anh	Viet Nam	0	500	500	1	
465	Nguyễn Thị Tú Oanh	Viet Nam	0	150	150	1	
466	Nguyễn Thị Tường Ngân	Viet Nam	0	75	75	1	
467	Nguyễn Thị Xuân	Viet Nam	0	500	500	1	
468	NGUYỄN THỊ XUÂN TÌNH	Viet Nam	0	525	525	1	
469	NGUYỄN THỊ ÁNH	Viet Nam	0	100	100	1	
470	Nguyễn Thị Ánh Kim	Viet Nam	0	1 400	1 400	1	
471	Nguyễn Thị ánh Tuyết	Viet Nam	500		500	1	
472	Nguyễn Thị Út Trâm	Viet Nam	0	354	354	1	
473	Nguyễn Tiến Dũng	Viet Nam	0	500	500	1	
474	Nguyễn Tiến Nam	Viet Nam	0	2 900	2 900	1	
475	Nguyễn Tiên Phong	Viet Nam	0	700	700	1	
476	Nguyễn Trung Dũng	Viet Nam	0	1 600	1 600	1	
477	Nguyễn Trung Dũng	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
478	Nguyễn Trung Hiếu	Viet Nam	0	50	50	1	

479	NGUYỄN TRUNG KHÔI	Viet Nam	0	700	700	1	
480	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Viet Nam	0	7 800	7 800	1	
481	NGUYỄN TRÀ LINH	Viet Nam	0	550	550	1	
482	Nguyễn Trường An	Viet Nam	0	50	50	1	
483	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Viet Nam	0	800	800	1	
484	Nguyễn Trọng Hoan	Viet Nam	0	500	500	1	
485	Nguyễn Trọng Huy	Viet Nam	0	100	100	1	
486	Nguyễn Trọng Huyền	Viet Nam	0	500	500	1	
487	Nguyễn Trọng Hà	Viet Nam	0	100	100	1	
488	Nguyễn Trọng Khánh	Viet Nam	0	200	200	1	
489	NGUYỄN TRỌNG SƠN	Viet Nam	0	25	25	1	
490	Nguyễn Tuấn Oanh	Viet Nam	0	3 500	3 500	1	
491	Nguyễn Tuấn Anh	Viet Nam	0	900	900	1	
492	NGUYỄN TUẤN HOÀNG	Viet Nam	0	75	75	1	
493	Nguyễn Tùng Lâm	Viet Nam	0	1	1	1	
494	NGUYỄN TÂN PHÁT	Viet Nam	0	50	50	1	
495	Nguyễn Việt Chiến	Viet Nam	0	800	800	1	
496	Nguyễn Việt Hùng	Viet Nam	0	350	350	1	
497	Nguyễn Văn An	Viet Nam	0	500	500	1	
498	Nguyễn Văn Bảy	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
499	Nguyễn Văn Cung	Viet Nam	0	500	500	1	
500	Nguyễn Văn Công	Viet Nam	0	2 600	2 600	1	
501	Nguyễn Văn Cẩn	Viet Nam	0	500	500	1	
502	NGUYỄN VĂN HIỀN	Viet Nam	0	90	90	1	
503	Nguyễn Văn Hùng	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
504	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	Viet Nam	0	100	100	1	
505	Nguyễn Văn Hạnh	Viet Nam	0	500	500	1	
506	NGUYỄN VĂN KHÁC	Viet Nam	0	2 100	2 100	1	
507	NGUYỄN VĂN KIÊN	Viet Nam	0	2 800	2 800	1	
508	Nguyễn Văn Kiên	Viet Nam	0	200	200	1	
509	Nguyễn Văn Kịch	Viet Nam	0	2 075	2 075	1	
510	Nguyễn Văn Kỳ	Viet Nam	0	500	500	1	
511	Nguyễn Văn Linh	Viet Nam	0	500	500	1	
512	Nguyễn Văn Luật	Viet Nam	0	500	500	1	
513	NGUYỄN VĂN NAM	Viet Nam	0	1 700	1 700	1	
514	Nguyễn Văn Nghinh	Viet Nam	0	1 725	1 725	1	
515	Nguyễn Văn Ngân	Viet Nam	0	75	75	1	
516	Nguyễn Văn Quang	Viet Nam	0	500	500	1	
517	Nguyễn Văn Quân	Viet Nam	0	100	100	1	
518	Nguyễn Văn Quốc	Viet Nam	0	500	500	1	
519	NGUYỄN VĂN SANG	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
520	Nguyễn Văn Thiện	Viet Nam	0	500	500	1	
521	Nguyễn Văn Thái	Viet Nam	0	500	500	1	
522	Nguyễn Văn Tiến	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
523	Nguyễn Văn Trung	Viet Nam	0	500	500	1	
524	Nguyễn Văn Trường	Viet Nam	0	500	500	1	
525	Nguyễn Văn Tuyền	Viet Nam	0	500	500	1	
526	Nguyễn Văn Tuyền	Viet Nam	0	316	316	1	
527	NGUYỄN VĂN TUẤN	Viet Nam	0	1 200	1 200	1	

330
CÔ
CÔ
V
HÀ
XI
40A

528	Nguyễn Văn Tùng	Viet Nam	0	178 300	178 300	1	
529	Nguyễn Văn Viên	Viet Nam	0	5	5	1	
530	Nguyễn Văn Việt	Viet Nam	0	500	500	1	
531	Nguyễn Văn Vượng	Viet Nam	0	375	375	1	
532	Nguyễn Văn Đoàn	Viet Nam	0	4 000	4 000	1	
533	Nguyễn Văn Đảo	Viet Nam	0	500	500	1	
534	Nguyễn Văn Đình	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
535	NGUYỄN VĂN ĐẠI	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
536	Nguyễn Văn Dân	Viet Nam	0	1 025	1 025	1	
537	Nguyễn Văn Đức	Viet Nam	500		500	1	
538	Nguyễn Vương Cường	Viet Nam	0	75	75	1	
539	Nguyễn Xuân Doãn	Viet Nam	500	800	1 300	1	
540	Nguyễn Xuân Hùng	Viet Nam	0	500	500	1	
541	Nguyễn Xuân Hạnh	Viet Nam	0	500	500	1	
542	NGUYỄN XUÂN PHONG	Viet Nam	0	2 625	2 625	1	
543	Nguyễn Xuân Quân	Viet Nam	0	363	363	1	
544	Nguyễn Xuân Quý	Viet Nam	0	500	500	1	
545	NGUYỄN XUÂN SƠN	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
546	Nguyễn Xuân Sơn	Viet Nam	0	15	15	1	
547	Nguyễn Xuân Thanh	Viet Nam	0	5 250	5 250	1	
548	Nguyễn Xuân Thủy	Viet Nam	500		500	1	
549	Nguyễn Ánh Phương	Viet Nam	0	75	75	1	
550	Nguyễn Đình Thiêm	Viet Nam	0	500	500	1	
551	Nguyễn Đào Hải Yến	Viet Nam	0	12	12	1	
552	Nguyễn Đình Lộc	Viet Nam	0	25	25	1	
553	Nguyễn Đăng Nam	Viet Nam	0	875	875	1	
554	Nguyễn Đức Duy	Viet Nam	0	1 500	1 500	1	
555	Nguyễn Đức Dũng	Viet Nam	0	175	175	1	
556	Nguyễn Đức Hậu	Viet Nam	0	75	75	1	
557	Nguyễn Đức Minh	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
558	Nguyễn Đức Thành	Viet Nam	0	350	350	1	
559	Nguyễn Đức Trí	Viet Nam	0	100	100	1	
560	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
561	Nguyễn Đức Tú	Viet Nam	0	1	1	1	
562	Ngô Dương Hùng	Viet Nam	0	500	500	1	
563	NGÔ HẢI SƠN	Viet Nam	0	100	100	1	
564	Ngô Hồng Vân	Viet Nam	0	500	500	1	
565	Ngô Mạnh Hiệp	Viet Nam	0	50	50	1	
566	Ngô Mậu Tâm	Viet Nam	0	500	500	1	
567	Ngô Nguyễn Hải Đăng	Viet Nam	500		500	1	
568	NGÔ THANH HÙNG	Viet Nam	0	400	400	1	
569	Ngô Thanh Mai	Viet Nam	0	100	100	1	
570	Ngô Thúc Vũ	Viet Nam	0	1	1	1	
571	Ngô Thị Cẩm	Viet Nam	0	500	500	1	
572	Ngô Thị Hải	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
573	Ngô Thị Kim Dung	Viet Nam	0	500	500	1	
574	Ngô Thị Quả	Viet Nam	0	500	500	1	
575	Ngô Thị Thê	Viet Nam	0	200	200	1	
576	Ngô Việt Hạnh	Viet Nam	0	61	61	1	

310
NG
PH
ICE
CH
MÃ
- TI

4

577	Ngô Văn Bình	Viet Nam	0	50	50	1	
578	Ngô Văn Hát	Viet Nam	0	1 375	1 375	1	
579	NGÔ VĂN TÂM	Viet Nam	0	25	25	1	
580	Ngô Văn Việt	Viet Nam	0	7 000	7 000	1	
581	Ngô Xuân Nam	Viet Nam	0	20 100	20 100	1	
582	Ngô Xuân Quy	Viet Nam	0	75	75	1	
583	NGÔ ĐÌNH LƯU PHÚC	Viet Nam	0	444	444	1	
584	Ngô Đình Ánh	Viet Nam	0	100	100	1	
585	Phan Khắc Quốc	Viet Nam	0	75	75	1	
586	Phan Kiên Cường	Viet Nam	0	500	500	1	
587	Phan Minh Tuấn	Viet Nam	0	50	50	1	
588	Phan Ngọc Thắng	Viet Nam	0	500	500	1	
589	Phan Quốc Hiệp	Viet Nam	0	200	200	1	
590	Phan Quốc Đạt	Viet Nam	0	700	700	1	
591	PHAN THANH HÙNG	Viet Nam	0	100	100	1	
592	Phan Thành Đông	Viet Nam	0	100	100	1	
593	PHAN THỊ DIỆU VÂN	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
594	Phan Thị Giao	Viet Nam	0	75	75	1	
595	Phan Thị Lý	Viet Nam	0	500	500	1	
596	Phan Thị Phương Thảo	Viet Nam	0	500	500	1	
597	Phan Thị Thu Loan	Viet Nam	0	3 900	3 900	1	
598	Phan Thị Thu Thanh	Viet Nam	0	2 425	2 425	1	
599	PHAN THỊ THUYẾT DƯƠNG	Viet Nam	0	1 642	1 642	1	
600	Phan Thị Tuyết	Viet Nam	0	300	300	1	
601	Phan Thị Ái Chân	Viet Nam	0	55	55	1	
602	Phan Tiến Thắng	Viet Nam	0	500	500	1	
603	Phan Tuấn Anh	Viet Nam	0	100	100	1	
604	PHAN VĨNH TRÍ	Viet Nam	0	2 150	2 150	1	
605	Phan Ánh Cảnh	Viet Nam	0	500	500	1	
606	Phùng Minh Tuấn	Viet Nam	0	50	50	1	
607	PHÙNG THỊ QUỲ	Viet Nam	0	1 400	1 400	1	
608	Phùng Tấn Thọ	Viet Nam	0	500	500	1	
609	Phùng Văn Chuyên	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
610	Phùng Văn Hùng	Viet Nam	0	1 900	1 900	1	
611	Phùng Đức Từ	Viet Nam	0	25	25	1	
612	Phạm Lan Anh	Viet Nam	0	50	50	1	
613	Phạm Minh Tâm	Viet Nam	0	200	200	1	
614	Phạm Nguyễn Ngọc Linh	Viet Nam	0	100	100	1	
615	PHẠM NGỌC SƠN	Viet Nam	0	22 400	22 400	1	
616	PHẠM NHẬT HUY	Viet Nam	0	200	200	1	
617	Phạm Quang Huân	Viet Nam	0	50	50	1	
618	PHẠM QUANG HÙNG	Viet Nam	0	300	300	1	
619	Phạm Thanh Minh	Viet Nam	0	500	500	1	
620	Phạm Thu Huyền	Viet Nam	0	1 550	1 550	1	
621	Phạm Thị Bé	Viet Nam	0	500	500	1	
622	Phạm Thị Bích Hương	Viet Nam	0	200	200	1	
623	Phạm Thị Dương Liễu	Viet Nam	0	51	51	1	
624	Phạm Thị Giang	Viet Nam	0	1 500	1 500	1	
625	Phạm Thị Huân	Viet Nam	0	75	75	1	

130
T
I
A
I
M
C
N
C

626	Phạm Thị Hào	Viet Nam	0	1 750	1 750	1	
627	PHẠM THỊ HỒNG	Viet Nam	0	100	100	1	
628	PHẠM THỊ LÝ	Viet Nam	0	600	600	1	
629	PHẠM THỊ MƠ	Viet Nam	0	200	200	1	
630	Phạm Thị Ngọc Anh	Viet Nam	0	200	200	1	
631	Phạm Thị Ngọc Thu	Viet Nam	0	75	75	1	
632	PHẠM THỊ NGỌC TUYỀN	Viet Nam	0	113	113	1	
633	PHẠM THỊ NHUNG	Viet Nam	0	15 000	15 000	1	
634	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	Viet Nam	0	100	100	1	
635	Phạm Thị Sao Mai	Viet Nam	0	12 000	12 000	1	
636	PHẠM THỊ THANH THẢO	Viet Nam	0	15 000	15 000	1	
637	Phạm Thị The	Viet Nam	0	25	25	1	
638	Phạm Thị Thu Hiền	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
639	Phạm Thị Thu Hà	Viet Nam	0	1 500	1 500	1	
640	PHẠM THỊ TUYỀN	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
641	Phạm Thị Tuyết	Viet Nam	0	700	700	1	
642	Phạm Thị Vinh	Viet Nam	0	50	50	1	
643	Phạm Tiến Căn	Viet Nam	0	200	200	1	
644	Phạm Tiến Thắng	Viet Nam	0	600	600	1	
645	PHẠM TRƯỜNG GIANG	Viet Nam	0	400	400	1	
646	Phạm Tấn Chinh	Viet Nam	0	100	100	1	
647	Phạm Văn Cường	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
648	Phạm Văn Dũng	Viet Nam	0	675	675	1	
649	Phạm Văn Hiền	Viet Nam	0	500	500	1	
650	Phạm Văn Hương	Viet Nam	0	50	50	1	
651	PHẠM VĂN PHÒNG	Viet Nam	0	800	800	1	
652	Phạm Văn Phú	Viet Nam	0	575	575	1	
653	Phạm Văn Sê	Viet Nam	0	500	500	1	
654	PHẠM VĂN THIÊN	Viet Nam	0	100	100	1	
655	Phạm Văn Thuận	Viet Nam	0	50	50	1	
656	Phạm Văn Thụ	Viet Nam	0	200	200	1	
657	PHẠM VŨ CƯỜNG	Viet Nam	0	325	325	1	
658	PHẠM VŨ HÀ	Viet Nam	0	3 000	3 000	1	
659	Phạm Xuân Hợp	Viet Nam	0	500	500	1	
660	Phạm Xuân Sơn	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
661	Phạm Xuân Tiến	Viet Nam	0	200	200	1	
662	Phạm Xuân Trường	Viet Nam	0	25	25	1	
663	Phạm Đình Ngừ	Viet Nam	500		500	1	
664	Phạm Đình Nhi	Viet Nam	0	2 400	2 400	1	
665	Quách Thị Lương	Viet Nam	0	15 000	15 000	1	
666	Quách Thị Thanh Nhàn	Viet Nam	0	375	375	1	
667	Quảng Yến Hân	Viet Nam	0	1	1	1	
668	Quốc Thị Hồng Vân	Viet Nam	0	500	500	1	
669	Thành Ngọc Nguyễn	Viet Nam	0	50	50	1	
670	Thái Văn Thông	Viet Nam	0	50	50	1	
671	Thái Văn Toàn	Viet Nam	0	675	675	1	
672	Thân Hoàng Dung	Viet Nam	0	25	25	1	
673	Thích Quyền Hân	Viet Nam	0	5 000	5 000	1	
674	Trình Thị Mỹ Hạnh	Viet Nam	0	200	200	1	

675	Trương Anh Kiệt	Viet Nam	0	1 050	1 050	1	
676	Trương Anh Tuấn	Viet Nam	0	400	400	1	
677	TRƯƠNG BÍCH HÀ	Viet Nam	0	500	500	1	
678	Trương Hùng Sơn	Viet Nam	500		500	1	
679	Trương Khánh Duy	Viet Nam	0	300	300	1	
680	Trương Quốc Trí	Viet Nam	0	375	375	1	
681	Trương Thị Mai Hương	Viet Nam	0	75	75	1	
682	Trương Thị Nga	Viet Nam	0	500	500	1	
683	TRƯƠNG THỊ VĨNH HÀ	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
684	Trương Trung Hưng	Viet Nam	0	10	10	1	
685	Trương Tuấn Anh	Viet Nam	0	75	75	1	
686	Trương Đức Tuyển	Viet Nam	0	75	75	1	
687	Trần Bình Minh	Viet Nam	0	19 700	19 700	1	
688	TRẦN BÍCH NGÀ	Viet Nam	0	400	400	1	
689	Trần Công Ích	Viet Nam	0	25	25	1	
690	Trần Diệu Linh	Viet Nam	0	900	900	1	
691	TRẦN DUY HẢI	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
692	Trần Duy Phong	Viet Nam	0	200	200	1	
693	Trần Duy Tùng	Viet Nam	0	13 000	13 000	1	
694	Trần Hoàng Đăng	Viet Nam	0	25	25	1	
695	Trần Hùng	Viet Nam	0	350	350	1	
696	Trần Hùng Thắng	Viet Nam	0	25	25	1	
697	Trần Hậu Trình	Viet Nam	500		500	1	
698	Trần Hữu Năm	Viet Nam	0	500	500	1	
699	Trần Hữu Đạt	Viet Nam	0	100	100	1	
700	Trần Kim Ngân	Viet Nam	0	100	100	1	
701	TRẦN KỶ THANH	Viet Nam	0	500	500	1	
702	Trần Lê Minh Tú	Viet Nam	0	50	50	1	
703	Trần Minh Lộc	Viet Nam	0	8 700	8 700	1	
704	Trần Minh Nhựt	Viet Nam	0	1	1	1	
705	Trần Minh Trung	Viet Nam	0	40	40	1	
706	TRẦN MINH TUẤN	Viet Nam	0	50	50	1	
707	TRẦN MINH VƯƠNG	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
708	TRẦN MẠNH DŨNG	Viet Nam	0	1	1	1	
709	Trần Mạnh Hòa	Viet Nam	0	3 100	3 100	1	
710	Trần Mạnh Hùng	Viet Nam	0	500	500	1	
711	Trần Nam Hà	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
712	Trần Ngọc Sơn	Viet Nam	0	500	500	1	
713	TRẦN NHƯ LÊ THỤY	Viet Nam	0	5 000	5 000	1	
714	TRẦN PHƯƠNG NAM	Viet Nam	0	7	7	1	
715	Trần Quốc Anh	Viet Nam	0	500	500	1	
716	Trần Quốc Hợi	Viet Nam	0	500	500	1	
717	Trần Quốc Khánh	Viet Nam	0	350	350	1	
718	Trần Quốc Tuấn	Viet Nam	0	5 100	5 100	1	
719	Trần Quốc Tuấn	Viet Nam	0	2 250	2 250	1	
720	TRẦN QUỐC ĐỊNH	Viet Nam	0	50	50	1	
721	Trần Thanh Bình	Viet Nam	0	200	200	1	
722	TRẦN THANH LIÊM	Viet Nam	0	75	75	1	
723	TRẦN THANH QUẢNG	Viet Nam	0	3 400	3 400	1	

724	Trần Thanh Tùng	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
725	TRẦN THANH VŨ	Viet Nam	0	50	50	1	
726	Trần Thu Hà	Viet Nam	0	50	50	1	
727	Trần Thu Lan	Viet Nam	0	300	300	1	
728	Trần Thu Lan	Viet Nam	0	700	700	1	
729	Trần Thu Trang	Viet Nam	0	2 600	2 600	1	
730	Trần Thế Hùng	Viet Nam	0	2 112	2 112	1	
731	TRẦN THỊ BÍCH CHINH	Viet Nam	0	75	75	1	
732	Trần Thị Bích Liên	Viet Nam	0	125	125	1	
733	Trần Thị Hiền	Viet Nam	0	1 900	1 900	1	
734	Trần Thị Hiệp	Viet Nam	0	500	500	1	
735	TRẦN THỊ HOA	Viet Nam	0	1 100	1 100	1	
736	Trần Thị Hoà	Viet Nam	0	50	50	1	
737	TRẦN THỊ HUYỀN NGÀ	Viet Nam	0	300	300	1	
738	Trần Thị Huệ	Viet Nam	0	500	500	1	
739	TRẦN THỊ HÀ TRANG	Viet Nam	0	100	100	1	
740	TRẦN THỊ HÒA	Viet Nam	0	100	100	1	
741	TRẦN THỊ HẢI NGÀ	Viet Nam	0	200	200	1	
742	Trần Thị Hải Yến	Viet Nam	0	200	200	1	
743	Trần Thị Hằng	Viet Nam	0	400	400	1	
744	Trần Thị Hồng Cảnh	Viet Nam	0	850	850	1	
745	Trần Thị Khánh Vân	Viet Nam	0	100	100	1	
746	Trần Thị Kim Anh	Viet Nam	0	200	200	1	
747	Trần Thị Kim Ngọc	Viet Nam	0	9 700	9 700	1	
748	Trần Thị Kim Oanh	Viet Nam	0	12 400	12 400	1	
749	Trần Thị Kiều Oanh	Viet Nam	0	575	575	1	
750	Trần Thị Lệ Thủy	Viet Nam	0	100	100	1	
751	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	Viet Nam	0	525	525	1	
752	Trần Thị Mai Lê	Viet Nam	0	50	50	1	
753	Trần Thị Minh Anh	Viet Nam	0	5 000	5 000	1	
754	Trần Thị Minh Hoa	Viet Nam	0	75	75	1	
755	Trần Thị Minh Hạnh	Viet Nam	0	100	100	1	
756	Trần Thị Mỹ Hạnh	Viet Nam	0	3	3	1	
757	Trần Thị Mỹ Linh	Viet Nam	0	3 000	3 000	1	
758	Trần Thị Nga	Viet Nam	0	300	300	1	
759	Trần Thị Nhiễm	Viet Nam	0	2 900	2 900	1	
760	Trần Thị Nhung	Viet Nam	0	500	500	1	
761	TRẦN THỊ QUỲNH	Viet Nam	0	200	200	1	
762	TRẦN THỊ THANH THÚY	Viet Nam	0	10	10	1	
763	TRẦN THỊ THANH TÂM	Viet Nam	0	2	2	1	
764	Trần Thị Thanh Tâm	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
765	Trần Thị Thu Hiền	Viet Nam	0	75	75	1	
766	Trần Thị Thu Thủy	Viet Nam	0	75	75	1	
767	TRẦN THỊ THU THỦY	Viet Nam	0	200	200	1	
768	Trần Thị Thủy An	Viet Nam	0	500	500	1	
769	Trần Thị Thủy	Viet Nam	0	500	500	1	
770	Trần Thị Thủy Hương	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
771	Trần Thị Thủy Nga	Viet Nam	0	500	500	1	
772	TRẦN THỊ THỦY NGUYỄN	Viet Nam	0	184 500	184 500	1	



773	TRẦN THỊ THÚY TIÊN	Viet Nam	0	1	1	1	
774	Trần Thị Trang Nhung	Viet Nam	0	11 000	11 000	1	
775	Trần Thị Tám	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
776	Trần Thị Tâm	Viet Nam	0	300	300	1	
777	Trần Thị Tùng	Viet Nam	0	500	500	1	
778	Trần Thị Xanh	Viet Nam	0	500	500	1	
779	Trần Thị Xuân	Viet Nam	0	400	400	1	
780	Trần Thị Xuân Mai	Viet Nam	0	1	1	1	
781	Trần Trọng Hậu	Viet Nam	0	600	600	1	
782	TRẦN TÙNG CHÂU	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
783	TRẦN UY BẢO	Viet Nam	0	16 000	16 000	1	
784	TRẦN VINH	Viet Nam	0	25	25	1	
785	Trần Viết Đề	Viet Nam	0	2 750	2 750	1	
786	Trần Việt Tùng	Viet Nam	0	800	800	1	
787	Trần Văn Bình	Viet Nam	0	500	500	1	
788	Trần Văn Bích	Viet Nam	0	500	500	1	
789	Trần Văn Công	Viet Nam	0	167	167	1	
790	Trần Văn Cương	Viet Nam	0	6 300	6 300	1	
791	Trần Văn Dục	Viet Nam	0	500	500	1	
792	Trần Văn Minh	Viet Nam	0	500	500	1	
793	Trần Văn Mạnh	Viet Nam	0	1 200	1 200	1	
794	Trần Văn Nhu	Viet Nam	0	50	50	1	
795	Trần Văn Sang	Viet Nam	0	500	500	1	
796	Trần Văn Thành	Viet Nam	0	1 600	1 600	1	
797	Trần Văn Thư	Viet Nam	0	600	600	1	
798	TRẦN VĂN THƯ	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
799	TRẦN VĂN THẠCH	Viet Nam	0	200	200	1	
800	TRẦN VĂN TRUNG	Viet Nam	0	6 400	6 400	1	
801	Trần Văn Việt	Viet Nam	0	225	225	1	
802	Trần Văn Được	Viet Nam	0	1	1	1	
803	Trần Văn Đầu	Viet Nam	0	500	500	1	
804	TRẦN VĂN ĐỊNH	Viet Nam	0	1 900	1 900	1	
805	Trần Vĩnh Lệ	Viet Nam	0	100	100	1	
806	Trần Xuân Mãi	Viet Nam	0	500	500	1	
807	Trần Xuân Phương	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
808	Trần Xuân Sửu	Viet Nam	0	50	50	1	
809	TRẦN XUÂN SỸ	Viet Nam	0	15 300	15 300	1	
810	Trần Ánh Dương	Viet Nam	0	100	100	1	
811	Trần Đình Đạt	Viet Nam	0	1	1	1	
812	TRẦN ĐĂNG KHOA	Viet Nam	0	600	600	1	
813	TRẦN ĐỨC DƯƠNG	Viet Nam	0	1 432	1 432	1	
814	Trần Đức Quý	Viet Nam	0	500	500	1	
815	Trịnh Công Hùng	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
816	Trịnh Công Hải	Viet Nam	0	1 575	1 575	1	
817	Trịnh Lan Phương	Viet Nam	0	200	200	1	
818	Trịnh Quang Tín	Viet Nam	0	1	1	1	
819	Trịnh Sa Nhi	Viet Nam	0	500	500	1	
820	Trịnh Thanh Bình	Viet Nam	0	5 700	5 700	1	
821	Trịnh Thị Hương	Viet Nam	0	4 500	4 500	1	



4

822	Trịnh Thị Hạnh	Viet Nam	0	100	100	1	
823	Trịnh Thị Khoát	Viet Nam	0	5 900	5 900	1	
824	Trịnh Thị Loan	Viet Nam	0	500	500	1	
825	Trịnh Thị Quỳnh Thương	Viet Nam	0	10	10	1	
826	TRỊNH THỊ THANH	Viet Nam	0	46 000	46 000	1	
827	Trịnh Thị Thu Hằng	Viet Nam	0	500	500	1	
828	Trịnh Đình Trường	Viet Nam	0	900	900	1	
829	Tào Ngọc Tuấn	Viet Nam	0	3 000	3 000	1	
830	Tô Hoàng Minh Thông	Viet Nam	0	50	50	1	
831	Tô Hoàng Quân	Viet Nam	0	50	50	1	
832	TÔ MINH CHÂU	Viet Nam	0	10 000	10 000	1	
833	Tưởng Phi Dương	Viet Nam	0	100	100	1	
834	Tạ Hồng Thái	Viet Nam	0	3 000	3 000	1	
835	Tạ Mai Hương	Viet Nam	0	100	100	1	
836	Tạ Thị Kim Anh	Viet Nam	0	800	800	1	
837	Tạ Thị Tâm	Viet Nam	0	25	25	1	
838	Tạ Thị Tú Trinh	Viet Nam	0	50	50	1	
839	Tạ Văn Nhuận	Viet Nam	0	400	400	1	
840	Tăng Bảo Khin	Viet Nam	0	175	175	1	
841	Từ Minh Châu	Viet Nam	0	700	700	1	
842	VI THANH HIỀN	Viet Nam	0	500	500	1	
843	Vũ Thu Chung	Viet Nam	0	600	600	1	
844	VY THANH HOÀNG	Viet Nam	0	49	49	1	
845	VÕ DUY BÌNH	Viet Nam	0	5	5	1	
846	VÕ HOÀNG DUY KHOA	Viet Nam	0	400	400	1	
847	VÕ HY LAN ANH	Viet Nam	0	3	3	1	
848	VÕ HỮU SĨ	Viet Nam	0	238 800	238 800	1	
849	Võ Như Đăng	Viet Nam	0	75	75	1	
850	Võ Thanh Tân	Viet Nam	0	100	100	1	
851	Võ Thành Long	Viet Nam	0	100	100	1	
852	Võ Thị Diễm	Viet Nam	0	500	500	1	
853	Võ Thị Hiền	Viet Nam	0	1 700	1 700	1	
854	Võ Thị Huệ	Viet Nam	0	500	500	1	
855	VÕ THỊ NGÂN HÀ	Viet Nam	0	200	200	1	
856	Võ Thị Ngải	Viet Nam	0	500	500	1	
857	Võ Văn Dũng	Viet Nam	500		500	1	
858	Võ Văn Liêm	Viet Nam	0	1 100	1 100	1	
859	Võ Văn Liêm	Viet Nam	825		825	1	
860	Võ Xuân Tịch	Viet Nam	0	1 200	1 200	1	
861	Võ Đại Phong	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
862	Văn Hải Hà	Viet Nam	0	50	50	1	
863	Văn Quang Huỳnh	Viet Nam	0	500	500	1	
864	Văn Thành Nho	Viet Nam	0	50	50	1	
865	Văn Thúy Vân	Viet Nam	0	5	5	1	
866	Vũ Anh Tuấn	Viet Nam	0	2 600	2 600	1	
867	Vũ Công Thành	Viet Nam	0	500	500	1	
868	Vũ Cẩm Thúy	Viet Nam	0	75	75	1	
869	Vũ Duy Hoài	Viet Nam	0	200	200	1	
870	Vũ Duy Huỳnh	Viet Nam	0	92 000	92 000	1	

871	VŨ DƯƠNG BÍCH THẢO	Viet Nam	0	50	50	1	
872	VŨ HOÀNG ANH	Viet Nam	0	50	50	1	
873	Vũ Hoàng Yến Nhi	Viet Nam	0	5	5	1	
874	VŨ HUY HOÀNG	Viet Nam	0	600	600	1	
875	Vũ Huyền Thanh	Viet Nam	0	22 100	22 100	1	
876	Vũ Hồng Trung	Viet Nam	0	50	50	1	
877	Vũ Minh Thắng	Viet Nam	0	25	25	1	
878	Vũ Quang Bình	Viet Nam	0	500	500	1	
879	Vũ Thanh Lâm	Viet Nam	0	25	25	1	
880	VŨ THÀNH ĐÔ	Viet Nam	0	200	200	1	
881	Vũ Thị Hoài	Viet Nam	0	10	10	1	
882	VŨ THỊ HẠNH	Viet Nam	0	3 900	3 900	1	
883	Vũ Thị Hồng Ngát	Viet Nam	0	500	500	1	
884	Vũ Thị Hồng Vân	Viet Nam	0	50	50	1	
885	Vũ Thị Kim	Viet Nam	0	800	800	1	
886	Vũ Thị Lan Anh	Viet Nam	0	1	1	1	
887	Vũ Thị Mai	Viet Nam	0	50	50	1	
888	Vũ Thị Minh Tâm	Viet Nam	0	100	100	1	
889	Vũ Thị Nhân	Viet Nam	0	25	25	1	
890	Vũ Thị Phương	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
891	Vũ Thị Phương	Viet Nam	0	2 500	2 500	1	
892	VŨ THỊ THANH HƯƠNG	Viet Nam	0	1 100	1 100	1	
893	Vũ Thị Thùy Hương	Viet Nam	0	758	758	1	
894	VŨ THỊ THƯƠNG HUYỀN	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
895	Vũ Thị Tuyết	Viet Nam	0	500	500	1	
896	Vũ Tiến Điệp	Viet Nam	0	1 100	1 100	1	
897	Vũ Trung Nghĩa	Viet Nam	0	200	200	1	
898	Vũ Văn Bang	Viet Nam	0	8 000	8 000	1	
899	VŨ VĂN DŨNG	Viet Nam	0	5	5	1	
900	Vũ Văn Đậu	Viet Nam	1400		1 400	1	
901	VŨ VĂN HỒNG	Viet Nam	0	100	100	1	
902	Vũ Văn Đăng	Viet Nam	0	1	1	1	
903	Vũ Đình Quang	Viet Nam	0	3	3	1	
904	Vũ Đình Xuất	Viet Nam	0	25	25	1	
905	Vũ Đình Đối	Viet Nam	0	300	300	1	
906	VŨ ĐỨC DUY	Viet Nam	0	427	427	1	
907	VŨ ĐỨC THÀNH	Viet Nam	0	20 000	20 000	1	
908	Vương Trọng Nghị	Viet Nam	0	2 500	2 500	1	
909	Đinh Hoa Mai	Viet Nam	0	5	5	1	
910	Đinh Khánh Hoài	Viet Nam	0	200	200	1	
911	Đinh Nhứt Thiên	Viet Nam	0	2	2	1	
912	Đinh Quang Thủy	Viet Nam	0	50	50	1	
913	Đinh Quốc Hiếu	Viet Nam	0	75	75	1	
914	Đinh Quốc Hà	Viet Nam	0	75	75	1	
915	Đinh Thanh Mai	Viet Nam	0	100	100	1	
916	Đinh Thủy Hằng	Viet Nam	0	300	300	1	
917	Đinh Thủy Hương	Viet Nam	0	10 900	10 900	1	
918	Đinh Thị Hoàng Lan	Viet Nam	0	50	50	1	
919	Đinh Thị Hồng Điệp	Viet Nam	0	100	100	1	

920	ĐINH THỊ KHÁNH HÒA	Viet Nam	0	3	3	1	
921	Đinh Thị Nga	Viet Nam	0	3 100	3 100	1	
922	Đinh Tuấn Anh	Viet Nam	0	100	100	1	
923	Đinh Văn Kiên	Viet Nam	0	3 125	3 125	1	
924	Đinh Văn Tâm	Viet Nam	500		500	1	
925	Đinh Xuân Hòe	Viet Nam	0	1 600	1 600	1	
926	Đinh Đức Chiến	Viet Nam	0	2 625	2 625	1	
927	Đoàn Hồng Hải	Viet Nam	0	9 500	9 500	1	
928	ĐOÀN MINH TÂN	Viet Nam	0	21	21	1	
929	Đoàn Ngọc Bích	Viet Nam	0	100	100	1	
930	Đoàn Thế Việt	Viet Nam	0	100	100	1	
931	Đoàn Thị Hoa	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
932	Đoàn Thị Ngọc Diệp	Viet Nam	0	200	200	1	
933	Đoàn Thị Thu Loan	Viet Nam	0	10	10	1	
934	Đoàn Thị Thu Trang	Viet Nam	0	100	100	1	
935	Đoàn Trọng Mạnh	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
936	Đoàn Tuấn Vũ	Viet Nam	0	200	200	1	
937	Đoàn Văn Nô	Viet Nam	0	500	500	1	
938	Đoàn Xuân Nghĩa	Viet Nam	0	50	50	1	
939	Đàm Anh Tài	Viet Nam	0	50	50	1	
940	Đàm Thị Bình	Viet Nam	0	75	75	1	
941	Đàm Thị Hường	Viet Nam	0	1 400	1 400	1	
942	Đàm Văn Phải	Viet Nam	0	2 300	2 300	1	
943	Đào Bích Thược	Viet Nam	0	100	100	1	
944	Đào Công Minh	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
945	Đào Kim Thu	Viet Nam	0	10 500	10 500	1	
946	Đào Kiều Anh Phương	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
947	ĐÀO NGUYỄN SINH	Viet Nam	0	300	300	1	
948	Đào Phong Phú	Viet Nam	0	5 000	5 000	1	
949	Đào Thúy Hà	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
950	ĐÀO THỊ HỒNG DIỆP	Viet Nam	0	20	20	1	
951	Đào Thị Lan Anh	Viet Nam	0	7 500	7 500	1	
952	Đào Thị Minh Thu	Viet Nam	0	375	375	1	
953	Đào Thị Mến	Viet Nam	0	75	75	1	
954	Đào Thị Ngọc Minh	Viet Nam	0	700	700	1	
955	Đào Thị Thư	Viet Nam	0	1 300	1 300	1	
956	Đào Tấn Việt	Viet Nam	0	500	500	1	
957	Đào Đình Tiếp	Viet Nam	0	30	30	1	
958	Đào Đức Thịnh	Viet Nam	0	100	100	1	
959	Đặng Công Nguyên	Viet Nam	0	400	400	1	
960	Đặng Hồng Thúy	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
961	Đặng Minh Hoàng	Viet Nam	0	100	100	1	
962	Đặng Minh Thi	Viet Nam	0	75	75	1	
963	Đặng Minh Tới	Viet Nam	0	100	100	1	
964	Đặng Mạnh Trí	Viet Nam	0	100	100	1	
965	Đặng Ngọc Diệp	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
966	Đặng Ngọc Long	Viet Nam	0	500	500	1	
967	ĐẶNG NGỌC TRIỀU	Viet Nam	0	37	37	1	
968	Đặng Phước Huy	Viet Nam	0	1 046	1 046	1	

6

969	Đặng Quốc Khánh	Viet Nam	0	25	25	1	
970	Đặng Thái Hùng	Viet Nam	0	32	32	1	
971	Đặng Thủy Loan	Viet Nam	0	1 000	1 000	1	
972	Đặng Thế Hoa	Viet Nam	0	700	700	1	
973	ĐẶNG THỊ CẨM LOAN	Viet Nam	0	400	400	1	
974	Đặng Thị Hiền	Viet Nam	0	2	2	1	
975	Đặng Thị Hoài	Viet Nam	0	500	500	1	
976	Đặng Thị Ngọc Lan	Viet Nam	0	75	75	1	
977	Đặng Thị Thanh Hương	Viet Nam	0	75	75	1	
978	ĐẶNG THỊ VINH	Viet Nam	0	200	200	1	
979	ĐẶNG VĂN NGÂN	Viet Nam	0	25	25	1	
980	Đặng Văn Quang	Viet Nam	500		500	1	
981	Đặng Xuân Mạnh	Viet Nam	0	525	525	1	
982	Đặng Đình Nguyên	Viet Nam	0	7	7	1	
983	ĐỖ DUY PHONG	Viet Nam	0	500	500	1	
984	Đỗ Minh Tuấn	Viet Nam	0	6 000	6 000	1	
985	Đỗ Mạnh Phú	Viet Nam	0	6 200	6 200	1	
986	Đỗ Phương Thế Vinh	Viet Nam	0	11 300	11 300	1	
987	Đỗ Thế Sáng	Viet Nam	0	200	200	1	
988	Đỗ Thị Bích Hào	Viet Nam	0	900	900	1	
989	Đỗ Thị Giang	Viet Nam	0	382	382	1	
990	Đỗ Thị Hương Lan	Viet Nam	0	25	25	1	
991	Đỗ Thị Hào	Viet Nam	0	500	500	1	
992	ĐỖ THỊ KIM	Viet Nam	0	200	200	1	
993	Đỗ Thị Kim Anh	Viet Nam	0	5	5	1	
994	ĐỖ THỊ NAM	Viet Nam	0	1	1	1	
995	Đỗ Thị Oanh	Viet Nam	0	50	50	1	
996	Đỗ Thị Thanh Lâm	Viet Nam	0	50	50	1	
997	Đỗ Thị Thuý	Viet Nam	0	50	50	1	
998	ĐỖ THỊ THÚY HẠNH	Viet Nam	0	200	200	1	
999	ĐỖ THỊ TUYẾT MINH	Viet Nam	0	2 000	2 000	1	
1000	ĐỖ VĂN HÙNG	Viet Nam	0	4 000	4 000	1	
1001	Đỗ Văn Mạnh	Viet Nam	0	50	50	1	
1002	ĐỖ VĂN ÁNH	Viet Nam	0	1 500	1 500	1	
1003	Đỗ Vũ Thùy Anh	Viet Nam	0	75	75	1	
1004	ĐỖ ÁNH DƯƠNG	Viet Nam	0	500	500	1	
1005	Đỗ Đình Ngọc	Viet Nam	0	19 250	19 250	1	
1006	Đỗ Đức Ngọc	Viet Nam	0	500	500	1	
1007	ÁU DƯƠNG BẰNG	Viet Nam	0	100	100	1	
1008	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long		0	25	25	2	
1009	CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên		0	700 000	700 000	2	
1010	Công ty cổ phần Chứng khoán HD		0	25	25	2	
1011	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam		0	25	25	2	
1012	Công ty Cổ phần Chứng khoán SME		0	50	50	2	
1013	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect		0	70	70	2	
1014	Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải đường sắt		0	52 500	52 500	2	

1015	Công ty TNHH Âu Lạc		0	30 000	30 000	2	
1016	Tổng Công ty Xi măng Việt Nam		0	3 584 525	3 584 525	2	
1017	ALEXANDRE ROBERT IDARECI	France	0	600	600	1	
1018	Chung Seung Il	Republic of Korea	0	3 000	3 000	1	
1019	EL BAZ RENAUD CHRISTOPHE	France	0	900	900	1	
1020	IGOTA TAEKO	Japan	0	1 575	1 575	1	
1021	Isaka Yoichi	Japan	0	2 000	2 000	1	
1022	KAI NORIFUMI	Japan	0	50	50	1	
1023	KIM SUK KWENG	Japan	0	1 800	1 800	1	
1024	LEE JONG NAM	Korea, DPR of	0	1 000	1 000	1	
1025	NAKAMURA MASAHIRO	Japan	0	50	50	1	
1026	Ohkura Toshimoto	Japan	0	3 750	3 750	1	
1027	SHIRASAKA TSUYOSHI	Japan	0	6 300	6 300	1	
1028	TOSHIO ISHII	Japan	0	700	700	1	
1029	WU, PING - HSIU	Taiwan	0	6 600	6 600	1	
1030	YAGI AKIKO	Japan	0	100	100	1	
1031	Công ty TNHH Chứng khoán JB Việt Nam	Republic of Korea	0	38	38	2	
1032	FINANSIA SYRUS SECURITIES PUBLIC COMPANY LIMITED	Thailand	0	18 900	18 900	2	
1033	KB SECURITIES CO., LTD.	Republic of Korea	0	100	100	2	
1034	KRUNGTHAI XSPRING SECURITIES COMPANY LIMITED	Thailand	0	11 000	11 000	2	
			17 200	6 982 800	7 000 000		



Huế, ngày 20 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Trương Phú Cường